

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 23/6/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hải;

Ông Trịnh Văn Tuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST - DS, ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn ..., xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, Gia Lai. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn ..., xã Ia Ka, huyện Chư Păh, Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Làng B, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Do quen biết, nên trong năm 2018 ông có cho ông Nguyễn Hữu Th vay 04 lần tiền, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/8/2018, ông Th vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/9/2018 trả.

Lần 2: Ngày 31/8/2018, vay 15.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/9/2018 trả.

Lần 3: Ngày 02/9/2018, vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 11/9/2018 trả.

Lần 4: Ngày 17/9/2018, vay 35.000.000 đồng, hẹn đến ngày 02/10/2018 trả.

Các lần vay tiền ông không lấy lãi. Khi đến hạn trả nợ, ông đã đòi nhiều lần nhưng ông Th không trả. Vì vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu Th phải trả cho ông tổng cộng số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Ông yêu cầu ông Th phải trả tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 03/10/2018 đến khi Tòa án giải

quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu Th, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Th không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông Th đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Hữu Th phải trả cho Nguyễn Thanh H tổng số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/01 năm (tương đương 0,83 %/tháng) tính từ ngày 03/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2023) là 04 năm 08 tháng 20 ngày = 1.720 ngày: $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 1.720 \text{ ngày} = 33.310.666 \text{ đồng}$.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ là 04 giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Trong năm 2018, ông Nguyễn Thanh H có cho ông Nguyễn Hữu Th vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/8/2018, ông Th vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/9/2018 trả.

Lần 2: Ngày 31/8/2018, vay 15.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/9/2018 trả.

Lần 3: Ngày 02/9/2018, vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 11/9/2018 trả.

Lần 4: Ngày 17/9/2018, vay 35.000.000 đồng, hẹn đến ngày 02/10/2018 trả.

Như vậy việc nhận nợ là có thật, khi đến thời hạn trả tiền ông H đã yêu cầu ông Th trả tiền nhưng ông Th không trả. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả tổng cộng số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định, nhưng bị đơn ông Nguyễn Hữu Th không đến Tòa án để làm

việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến cũng như các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Th đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với vụ án và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi suất: Theo như lời trình bày của nguyên đơn, khi cho vay tiền hai bên không thỏa thuận về tiền lãi và tại 04 giấy mượn tiền cũng không thể hiện lãi suất. Như vậy có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông H và ông Th là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Căn cứ tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Do đó buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi trên số nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Từ ngày 03/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/6/2023 là 04 năm 08 tháng 20 ngày = 1.720 ngày, như vậy tiền lãi được tính như sau: 70.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 1.720 ngày = 33.310.666 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi: 70.000.000đ + 33.310.666đ = 103.310.666 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 463, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H. Buộc ông Nguyễn Hữu Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 103.310.666 đồng (làm tròn 103.310.700 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hữu Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.165.533 đồng (làm tròn 5.165.500 đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007297 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa